

MỤC LỤC

1. ĐĂNG	TRANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
BẢN TUYÊN BỐ TRÁCH DỨT CHIẾN LƯỢC	
BÁO CÁO CHI TIẾT HỒ SƠ TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
TÀI SẢN	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- |                          |   |
|--------------------------|---|
| - Ông Vương Đình Hải     | Chủ tịch HĐQT                             |
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn    | Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty           |
| - Ông Nguyễn Đức Thanh   | Ủy viên HĐQT                              |
| - Ông Đỗ Điệp Anh        | Ủy viên HĐQT - bổ nhiệm ngày 09/05/2016   |
| - Ông Đoàn Ngọc Tuấn     | Ủy viên HĐQT - miễn nhiệm ngày 09/05/2016 |
| - Ông Nguyễn Đình Trường | Ủy viên HĐQT                              |
| - Ông Nguyễn Chí Thanh   | Phó Giám đốc                              |
| - Ông Trần Đình Thanh    | Phó Giám đốc                              |
| - Ông Trần Đăng Tuyết    | Phó Giám đốc                              |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng, đặc biệt là ảnh hưởng của sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 đã gây thiệt hại hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho với giá trị thiệt hại ước tính được ghi nhận khoảng 309 tỷ đồng. Chi tiết thông tin vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015 được trình bày tại Thuyết minh số 29 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Anh Tuấn**  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016



Số: 08/2016/SX-AVI-TC2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Ngân Sơn**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/08/2016, từ trang 3 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29 và các thuyết minh có liên quan của phần Thuyết minh báo cáo tài chính đề cập các số liệu và thông tin về vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015 xảy ra tại kho hàng hóa của Công ty. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, số tiền bồi thường tạm thời được Bảo Minh chuyển trả Công ty theo hai lần là 100 tỷ đồng, các bên có liên quan đang tiếp tục làm việc để thống nhất số tiền bồi thường chính thức cho Công ty. Theo đó, các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại khi có số liệu bồi thường chính thức được các bên có liên quan thống nhất.



**Nguyễn Đức Dưỡng**  
Phó Tổng giám đốc  
Số giấy CNĐKHNT 0387-2015-055-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MẪU SỐ B01a - DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>392.481.513.215</b>	<b>460.206.211.269</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>14.324.939.486</b>	<b>5.895.253.370</b>
1. Tiền	111		14.324.939.486	5.895.253.370
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>268.918.281.955</b>	<b>380.530.624.499</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	56.028.412.232	123.730.637.773
2. Trả trước cho người bán	132		292.509.699	50.290.691
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.385.566.391	575.802.206
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(539.276.245)	(2.881.721.504)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	8	208.751.069.878	259.055.615.333
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>96.408.738.157</b>	<b>68.788.483.305</b>
1. Hàng tồn kho	141		96.408.738.157	68.788.483.305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.829.553.617</b>	<b>4.991.850.095</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	5.481.517.737	41.952.273
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.992.929.211	4.949.897.822
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		355.106.669	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>140.615.829.850</b>	<b>147.878.183.876</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>112.296.148.435</b>	<b>120.634.054.616</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	112.296.148.435	120.624.473.723
- Nguyên giá	222		223.578.437.543	223.430.027.543
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.282.289.108)	(102.805.553.820)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	9.580.893
- Nguyên giá	228		412.666.000	412.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(412.666.000)	(403.085.107)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>640.244.082</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		640.244.082	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>6.750.000.000</b>	<b>6.595.778.190</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.750.000.000	7.750.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.154.221.810)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.929.437.333</b>	<b>20.648.351.070</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	20.929.437.333	20.648.351.070
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>533.097.343.065</b>	<b>608.084.395.145</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MẪU SỐ B01a -DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>393.927.610.355</b>	<b>466.269.891.004</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>381.627.138.777</b>	<b>441.637.376.861</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	13.789.214.235	100.506.999.578
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		38.934.912.380	142.500.385
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	241.576.190	1.503.058.249
4. Phải trả người lao động	314		752.426.691	3.471.997.432
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.296.749.410	3.528.872.278
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	177.262.509.784	211.905.881.734
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	143.409.726.036	117.558.693.154
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.940.024.051	3.019.374.051
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.300.471.578</b>	<b>24.632.514.143</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	12.300.471.578	24.632.514.143
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>139.169.732.710</b>	<b>141.814.504.141</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>139.169.732.710</b>	<b>141.814.504.141</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		112.020.030.000	112.020.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.351.574.000	16.351.574.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.731.165.574	31.731.165.574
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			3.961.610.970	3.961.610.970
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(24.894.647.834)	(22.249.876.403)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.249.876.403)	2.820.287.333
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.644.771.431)	(25.070.163.736)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>533.097.343.065</b>	<b>608.084.395.145</b>

Người lập biểu



Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng



Phạm Thành Liêm

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B02a -DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	256.906.848.409	183.912.629.024
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		256.906.848.409	183.912.629.024
4. Giá vốn hàng bán	11	22	234.818.210.991	157.133.181.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.088.637.418	26.779.447.592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	651.545.588	3.520.809.658
7. Chi phí tài chính	22	24	4.234.478.516	11.926.582.691
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.277.450.414	11.136.726.364
8. Chi phí bán hàng	24	25	3.375.112.571	6.689.995.162
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	17.775.551.006	16.273.372.215
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.644.959.087)	(4.589.692.818)
11. Thu nhập khác	31	27	50.305.745.455	12.128.432
12. Chi phí khác	32	27	50.305.557.799	3.591.303
13. Lợi nhuận khác	40		187.656	8.537.129
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.644.771.431)	(4.581.155.689)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	(1.007.854.252)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.644.771.431)	(3.573.301.437)
17. Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(236)	(319)

Người lập biểu

Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng

Phạm Thành Liêm

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MÃ SỐ B03a-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.644.771.431)	(4.581.155.689)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.486.316.181	7.006.528.964
- Các khoản dự phòng	03	(2.496.667.069)	(2.648.914.965)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(128.411.594)	498.910.129
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.478.970)	(12.479.512)
- Chi phí lãi vay	06	4.277.450.414	11.136.726.364
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.466.437.531	11.399.615.291
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	61.606.010.959	(14.210.488.338)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(27.620.254.852)	25.395.044.772
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(79.086.355.665)	34.084.520.723
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.720.651.727)	(3.943.990.640)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.660.888.489)	(13.522.779.945)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(624.602.488)	(3.168.047.628)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	52.105.745.455	14.190.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.879.350.000)	(624.775.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(4.413.909.276)</b>	<b>35.423.289.235</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(804.937.378)	(2.564.207.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.478.970	12.479.512
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(777.458.408)</b>	<b>(2.551.727.488)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	161.827.422.932	170.473.689.589
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(148.180.021.021)	(197.980.270.263)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.318.750)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>13.621.083.161</b>	<b>(27.506.580.674)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>8.429.715.477</b>	<b>5.364.981.073</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>5.895.253.370</b>	<b>2.527.340.645</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(29.361)	521.387
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>14.324.939.486</b>	<b>7.892.843.105</b>

Người lập biểu

*Nguyễn Bích Hiền*

Nguyễn Bích Hiền

Kế toán trưởng

*Phạm Thành Liêm*

Phạm Thành Liêm

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 và Quyết định số 2203/QĐ-TCCB ngày 4/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nguyên liệu Thuốc lá Bắc là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103009019 ngày 31/8/2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 số 0100100199 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh ngày 05 tháng 11 năm 2014.

Vốn điều lệ là 112.020.030.000 đồng tương ứng với 11.202.003 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, Công ty chưa thực hiện đăng ký bổ sung vốn trên đăng ký doanh nghiệp. Chi tiết cổ đông:

- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 64.635.890 cổ phiếu tương ứng với 64.635.890.000 đồng, chiếm 57,70 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long nắm giữ 722.640 cổ phiếu tương ứng với 7.226.400.000 đồng, chiếm 6,45 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn nắm giữ 681.346 cổ phiếu tương ứng với 6.813.460.000 đồng chiếm 6,08 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Viện Thuốc lá nắm giữ 566.101 cổ phiếu tương ứng với 5.661.010.000 đồng chiếm 5,06 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa nắm giữ 436.468 cổ phiếu tương ứng với 4.364.680.000 đồng chiếm 3,9 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Bắc Sơn nắm 25.902 cổ phiếu tương ứng với 259.020.000 đồng chiếm 0,23% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.305.957 cổ phần tương ứng với 23.059.570.000 đồng, chiếm 20,59% vốn điều lệ.

Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

- Văn phòng Công ty tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Xí nghiệp chế biến Nguyên liệu thuốc lá tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng số cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 396 người, trong đó cán bộ quản lý là 34 người (Tại ngày 01/01/2016 là 451 người, trong đó cán bộ quản lý là 36 người).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào. Chi tiết: Sơ chế thuốc lá, các hoạt động trồng cây thuốc lá, thuốc Lào để quán thuốc lá điếu (xi gà) và để chế biến thuốc lá, thuốc Lào;
- Sản xuất và mua bán vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu làm thuốc) và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);
- Gia công cơ khí; sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá thuốc Lào;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn phân bón (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Sự kiện hỏa hoạn phát sinh năm 2015 tiếp tục ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty**

Ngày 19/08/2015, Công ty xảy ra hỏa hoạn tại kho hàng hóa đã gây thiệt hại các loại nguyên liệu thuốc lá, thuốc lá đã tách cọng và tài sản là kho chứa với giá gốc ước tính được ghi nhận khoảng 309 tỷ đồng bao gồm giá trị hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, số tiền bồi thường tạm thời được Bảo Minh chuyển trả Công ty theo hai lần là 100 tỷ đồng, các bên có liên quan đang tiếp tục làm việc để thống nhất số tiền bồi thường chính thức cho Công ty. Theo đó, các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại khi có số liệu bồi thường chính thức được các bên có liên quan thống nhất. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 29 và các thuyết minh liên quan khác của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG**

**Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến 30/06 hàng năm kèm theo là Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục. Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn "Áp dụng chuẩn mực kiểm toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính".

**Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

*Ghi nhận các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư (nếu theo thực tế) được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09a-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng hoàn thành nhưng chưa được duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá trị bàn giao dựa trên quyết toán giữa hai bên hoặc giá trị khối lượng thi công thực tế đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt sẽ điều chỉnh nguyên giá theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	<u>Mức khấu hao</u> <u>(Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	3 - 5

Tháng 8/2012, Công ty phản ánh tăng nguyên giá tài sản cố định đối với Dây chuyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm theo giá trị tạm tính là 128.189.171.295 đồng (bao gồm Công trình phụ trợ là 17.117.667.256 đồng và giá trị máy móc thiết bị là 111.071.564.309 đồng). Giá trị máy móc thiết bị được Công ty trích khấu hao theo phương pháp sản lượng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty vẫn chưa có phê duyệt quyết toán chính thức cho dự án. Theo đó nguyên giá tài sản và giá trị hao mòn lũy kế có thể thay đổi khi có phê duyệt quyết toán chính thức của cấp có thẩm quyền. Chi phí khấu hao dây chuyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá sẽ được xác định lại theo phương pháp khấu hao phù hợp với quy định Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 sau khi Công ty quyết toán sản lượng chế biến trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất tại KCN Tiên Sơn được phân bổ theo thời gian thuê đất, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng và các khoản chi phí sửa chữa, bảo hiểm hiểm khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**Quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá**

Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá được trích theo quy định tại Thông tư số 164/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính quy định về việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá. Công ty không tiếp tục thực hiện trích quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá từ năm 2012 đến nay.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24/10/2012 về hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế (Năm 2015 là 22%). Kết quả kinh doanh năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty không phát sinh thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	343.988.281	522.100.823
Tiền gửi ngân hàng	13.980.951.205	5.373.152.547
<b>Cộng</b>	<b><u>14.324.939.486</u></b>	<b><u>5.895.253.370</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>21.628.979.939</b>	<b>20.103.313.998</b>
Công ty Hanchen Tobacco (Hong Kong) Limited	-	7.228.559.882
Hong Kong Super gain Tobacco trading Limited	536.686.135	3.883.036.506
ELITE WAY (KH) LIMITED	7.913.217.512	1.730.232.725
Công ty TNHH thương mại Tuyết Hương	1.690.551.000	-
Công ty CP Hoàng Liên Sơn	810.000.000	-
Công ty TNHH MTV TM&XNK Việt Trung	-	1.415.042.001
Công ty TNHH ĐTPPT Việt Hùng	664.001.687	1.838.938.409
Các khách hàng khác	10.014.523.605	4.007.504.475
<b>b. Phải thu các bên liên quan</b>	<b>34.399.432.293</b>	<b>103.627.323.775</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	26.920.663.941	61.647.632.337
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	-	33.758.218.400
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	-	7.065.000.000
Công ty TNHH MTV Viện thuốc lá	370.568.352	869.821.272
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	-	263.343.304
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	-	23.308.462
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	7.108.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>56.028.412.232</u></b>	<b><u>123.730.637.773</u></b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tạm ứng (*)	3.411.496.750	152.000.000
Phải thu khác	974.069.641	423.802.206
<b>Cộng</b>	<b><u>4.385.566.391</u></b>	<b><u>575.802.206</u></b>

(\*) Khoản tạm ứng tại thời điểm 30/06/2016 chủ yếu liên quan đến số tiền ứng trước cho các cán bộ tại các tổ thu mua nguyên liệu thuốc lá của các hộ nông dân (trong đó: số dư tạm ứng tại chi nhánh Bắc Kạn là 2.215.880.650 đồng).

**8. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ**

Giá trị tổn thất tạm ghi nhận theo sổ kế toán và các biên bản làm việc với các bên có liên quan phát sinh từ vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015 của Công ty (đã giảm trừ 100 tỷ tiền thu bồi thường tạm ứng 2 đợt của Bảo hiểm Bảo Minh). Chi tiết xem Thuyết minh số 29 - Thông tin chi tiết về vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015. Theo đó, các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại khi có số liệu bồi thường chính thức được các bên có liên quan thống nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. CÁC KHOẢN NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Hong Kong super Gain Tobacco Trading Limited	536.686.135	161.005.840	3.883.036.506	1.164.910.952
Cửa hàng Tuấn Dung	20.113.000	-	20.113.000	-
Khổng Thu Hồng	24.825.700	-	24.825.700	-
Nguyễn Như Hùng	10.000.000	-	10.000.000	-
Nguyễn Thị Huệ	34.432.000	-	34.432.000	-
Nguyễn Thị Lan	10.880.000	-	10.880.000	-
Nguyễn Thị Mỹ	8.253.750	-	8.253.750	-
Nguyễn Văn Công	15.000.000	-	15.000.000	-
Phạm Văn Hiền	7.218.000	-	7.218.000	-
Trần Thị Thanh Tâm	5.306.500	-	5.306.500	-
Vũ Thị Thu	20.000.000	-	20.000.000	-
Đào Thị Thảo	7.567.000	-	7.567.000	-
<b>Cộng</b>	<b>700.282.085</b>	<b>161.005.840</b>	<b>4.046.632.456</b>	<b>1.164.910.952</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09a-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	68.109.868.275	-	56.201.448.926	-
Công cụ dụng cụ	271.250.135	-	113.246.594	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.386.186.642	-	2.542.404.737	-
Thành phẩm	24.207.953.010	-	8.574.401.448	-
Hàng hóa	1.433.480.095	-	1.356.981.600	-
<b>Cộng</b>	<b>96.408.738.157</b>	<b>-</b>	<b>68.788.483.305</b>	<b>-</b>

Số dư khoản mục hàng tồn kho tại thời điểm 30/06/2016 là 96,4 tỷ đồng bao gồm các loại nguyên liệu thuộc lá 68,1 tỷ đồng và thành phẩm thuộc lá tách cọng 24,2 tỷ đồng (chiếm 17,3% giá trị tổng tài sản tại ngày 30/06/2016). Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc tiêu thụ số lượng nguyên liệu thuộc lá và thành phẩm thuộc lá tách cọng nói trên là hoàn toàn thực hiện được với giá trị không thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>1. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>5.481.517.737</b>	<b>41.952.273</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.878.750	12.176.250
Phí bảo hiểm trả một lần	2.669.499.032	3.233.849
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	36.525.290	26.542.174
Chi phí đầu tư sản xuất, thu mua nguyên liệu thuộc lá	2.767.614.665	-
<b>2. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>20.929.437.333</b>	<b>20.648.351.070</b>
Tiền thuê đất tại KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh	17.688.609.275	17.417.948.349
Giá trị CCDC chờ phân bổ	1.215.552.839	709.881.347
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	1.842.899.456	2.343.362.138
Chi phí khác	182.375.763	177.159.236
<b>Cộng</b>	<b>26.410.955.070</b>	<b>20.690.303.343</b>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	6.750	-	6.750	6.750	(154)	6.596
Công ty Cổ phần Thương mại Vinawa (1)	1.000	(1.000)	-	1.000	(1.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>7.750</b>	<b>(1.000)</b>	<b>6.750</b>	<b>7.750</b>	<b>(1.154)</b>	<b>6.596</b>

(1): Theo Biên bản họp Đại hội cổ đông số 01/2013/BBHĐĐCĐ - VINAWA ngày 18/01/2013, Cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Vinawa đã quyết định giải thể Công ty Cổ phần Thương mại Vinawa, thời hạn chậm nhất đến ngày 31/03/2013. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Thương mại Vinawa chưa thực hiện xong thủ tục giải thể. Công ty đã trích lập 100% dự phòng tổn thất đầu tư cho khoản đầu tư nói trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

MÃU SỐ B09a-DN

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Tại 01/01/2016	85.005.883.359	126.337.312.489	9.736.114.374	746.137.177	1.604.580.144	223.430.027.543					
<i>Tăng trong kỳ</i>	148.410.000	-	-	-	-	148.410.000					
Xây dựng cơ bản hoàn thành	148.410.000	-	-	-	-	148.410.000					
Tại 30/06/2016	85.154.293.359	126.337.312.489	9.736.114.374	746.137.177	1.604.580.144	223.578.437.543					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>											
Tại 01/01/2016	47.652.894.599	45.879.541.044	7.344.507.118	692.562.078	1.236.048.981	102.805.553.820					
<i>Tăng trong kỳ</i>	3.874.313.912	4.223.376.113	303.045.880	25.477.134	50.522.249	8.476.735.288					
Khấu hao trong kỳ	3.874.313.912	4.223.376.113	303.045.880	25.477.134	50.522.249	8.476.735.288					
Tại 30/06/2016	51.527.208.511	50.102.917.157	7.647.552.998	718.039.212	1.286.571.230	111.282.289.108					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Tại 01/01/2016	37.352.988.760	80.457.771.445	2.391.607.256	53.575.099	368.531.163	120.624.473.723					
Tại 30/06/2016	33.627.084.848	76.234.395.332	2.088.561.376	28.097.965	318.008.914	112.296.148.435					

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 26.910.565.712 đồng (tại 31/12/2015 là 24.284.334.270 đồng).
- Giá trị tài sản đảm bảo: Dây truyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuộc lá công suất 24.000 tấn/năm với nguyên giá máy móc thiết bị tạm tính là 111.071.564.309 đồng) được sử dụng để thế chấp cho Hợp đồng vay số 16/HĐTĐDH-NHCT ĐA ngày 07/11/2011 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Đông Anh. Hiện nay, Công ty đang thực hiện quyết toán dây truyền nói trên, theo đó nguyên giá tài sản cố thế thay đổi khi có phê duyệt quyết toán chính thức của cấp có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B09a-DN**

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND	Giá trị VND	VND
<b>Ngân hạn</b>				
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Ngân Kiên Phát	6.762.000.000	6.762.000.000	-	-
Công ty Luật hợp danh Nghiệp Hưng	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Viglacera - Chi nhánh Tổng công ty Viglacera	835.142.000	835.142.000	-	-
Công ty TNHH Cường Lập	158.521.059	158.521.059	41.176.296.066	41.176.296.066
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Đồng Tâm	-	-	24.827.632.011	24.827.632.011
Các đối tượng khác	4.933.551.176	4.933.551.176	33.403.071.501	33.403.071.501
<b>Cộng</b>	<b>13.789.214.235</b>	<b>13.789.214.235</b>	<b>100.506.999.578</b>	<b>100.506.999.578</b>







**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

*Thuyết minh chi tiết các khoản vay ngắn hạn*

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 33/2015-HĐTDHM/NHCT144-NSC ngày 23/11/2015. Hạn mức vay là 150.000.000.000 VND mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm đối với Đồng Việt Nam, 4%/năm đối với Đô La Mỹ và 7,5%/năm đối với Euro.

(2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 1607/2015/HĐTDHM ngày 16/07/2015. Hạn mức tín dụng 45.000.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian rút vốn tối đa 06 tháng, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8403-LAV-201500160 ngày 19 tháng 05 năm 2015. Hạn mức vay 30 tỷ đồng, mục đích vay vốn để kinh doanh thuốc lá lá, thuốc lá bao. Thời hạn vay và lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ nhưng thời hạn tối đa không quá 12 tháng.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 841 I-LAY-201401157/HĐTD ngày 20/09/2014 và phụ lục bổ sung. Hạn mức vay 40 tỷ đồng mục đích vay vốn để mua bán hàng nông sản (thuốc lá lá). Thời hạn và lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng thời hạn tối đa không quá 12 tháng.

(5) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 2412NS/1-HĐVV-12 ngày 24/12/2012 nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 20.867.615.255 đồng. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/03/2014 điều chỉnh thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2014. Đến thời hạn vay, trong trường hợp có nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn, Công ty phải báo cáo bằng văn bản để VINATABA xem xét và phê duyệt ra hạn. Lãi suất áp dụng là lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng từng kỳ. Phụ lục hợp đồng số 02 của hợp đồng vay vốn số 2412NS/HĐVV-12 gia hạn thời hạn vay đến 31/12/2015 (Đến thời điểm hiện tại, chưa có các phụ lục gia hạn mới).

*Thuyết minh chi tiết các khoản vay dài hạn*

(6) Khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng vay vốn số 05/HĐ - TLVN - 12 ngày 30/01/2012 với Tổng công ty Thuốc Lá Việt Nam với số tiền 12.800.000.000 đồng phục vụ "Dự án đầu tư đổi mới nâng cao năng lực sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm" với thời hạn vay 3 năm và lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/03/2014 điều chỉnh lãi suất của khoản vay/năm bằng: Lãi suất tối đa + 0,1%. Lãi suất tối đa là lãi suất tối đa các tổ chức tín dụng có thể áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 12 tháng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm. Tới thời điểm hiện tại, Công ty chưa ký gia hạn về thời hạn trả nợ của hợp đồng này.

(7) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đông Anh theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số 16/HDDTDDDH-NHCT ĐA ngày 07/11/2011, mục đích: Đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực dây chuyền sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá công suất 24.000 tấn/năm. Hạn mức vay là 46.000.000.000 VNĐ hoặc USD tương đương. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay theo phương thức lãi suất thả nổi. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị của dự án được chi tiết trong hợp đồng thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai số 68/HĐTC-NHCTĐA ngày 07/12/2011.

(8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 005/14/ĐTDA/BN ngày 25/04/2014 với số tiền 15.121.741.460 đồng. Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng kho chứa nguyên liệu trên khu đất dự trữ phát triển của Công ty Cổ phần Ngân Sơn". Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Trả nợ làm nhiều lần trong vòng 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, lịch trả nợ chi tiết sẽ được bên vay và bên cho vay xác định cụ thể khi hết thời hạn rút vốn của Hợp đồng này. Lãi suất vay theo thông báo lãi suất và được điều chỉnh 3 tháng/lần phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từng thời kỳ. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án.

Chi tiết kế hoạch trả nợ vay dài hạn như sau:

	<u>'30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Trong năm thứ hai	8.133.580.000	9.976.782.000
Từ 3 đến 5 năm	4.166.891.578	14.655.732.143
Sau 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>12.300.471.578</u></b>	<b><u>24.632.514.143</u></b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>11.220.185.000</i>	<i>13.078.402.000</i>
<b>Cộng các khoản vay dài hạn</b>	<b><u>23.520.656.578</u></b>	<b><u>37.710.916.143</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>01/01/2016</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>30/06/2016</u>
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
<b>Chi tiết các loại thuế</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	269.495.819	-	624.602.488	(355.106.669)
Thuế thu nhập cá nhân	7.580.300	23.110.701	22.864.811	7.826.190
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.225.982.130	400.025.600	1.392.257.730	233.750.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.503.058.249</u></b>	<b><u>423.136.301</u></b>	<b><u>2.039.725.029</u></b>	<b><u>(113.530.479)</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Số thuế còn phải thu	-			355.106.669
Số thuế còn phải nộp	1.503.058.249			241.576.190

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả ngân hàng	89.871.917	121.885.704
Lãi vay phải trả TCT Thuộc lá Việt Nam	2.337.770.706	1.689.194.994
Lãi vay trái phiếu phải trả	719.978.500	719.978.500
Trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ dây chuyền tách cộng NL thuộc lá lá	507.787.107	-
Chi phí phải trả khác	1.641.341.180	997.813.080
<b>Cộng</b>	<b><u>5.296.749.410</u></b>	<b><u>3.528.872.278</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a. Các khoản ngắn hạn</b>	<b>177.262.509.784</b>	<b>211.905.881.734</b>
Kinh phí công đoàn	218.753.141	52.518.554
Bảo hiểm xã hội	352.660.955	53.362.300
Bảo hiểm y tế	61.061.378	184.230
Bảo hiểm thất nghiệp	27.276.505	81.880
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.045.925.700	8.072.244.450
Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	1.457.093.969	1.457.093.969
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long (1)	104.366.935.829	139.394.135.829
Dự phòng tổn thất từ vụ hỏa hoạn (2)	62.298.757.902	62.298.757.902
Phải trả khác	434.044.405	577.502.620
<b>b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>8.045.925.700</b>	<b>8.072.244.450</b>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (3)	8.045.925.700	8.072.244.450
<b>Cộng</b>	<b><u>177.262.509.784</u></b>	<b><u>211.905.881.734</u></b>

(1): Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long phản ánh giá trị hàng hóa gửi kho Công ty và chi phí có liên quan do hỏa hoạn ngày 19/08/2015 được các bên thống nhất theo Biên bản làm việc ngày 30/10/2015, các bên thống nhất đền bù bằng tiền hoặc hàng. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện đền bù cân trừ bằng tiền hàng phải thu của Thuốc lá Thăng Long số tiền 29.027.200.000 đồng và thanh toán 6 tỷ đồng bằng tiền.

(2): Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý, thận trọng ảnh hưởng của sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 để ghi nhận một khoản chi phí dự phòng tổn thất. Khoản dự phòng tổn thất này tiếp tục được xem xét và trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Chi tiết thông tin vụ hỏa hoạn ngày 19/08/2015 được trình bày tại Thuyết minh số 29 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(3): Khoản cổ tức năm 2014 còn phải trả cho Công ty mẹ - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và các cổ đông là các đơn vị thành viên của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam cùng với một số cổ đông khác với số tiền là 8 tỷ đồng. Theo Thông báo số 811/TB-TLVN của Hội đồng thành viên Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam ngày 04/09/2015, các đơn vị thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nhất trí tạm thời giãn nợ phải thu cổ tức cho đến khi Công ty khôi phục được hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B09a-DN**

**19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>112.020.030.000</b>	<b>16.351.574.000</b>	<b>30.350.471.128</b>	<b>3.547.402.636</b>	<b>16.783.706.225</b>	<b>179.053.183.989</b>
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(25.070.163.736)	(25.070.163.736)
- Trích lập các quỹ	-	-	1.380.694.446	414.208.334	(2.761.388.892)	(966.486.112)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(11.202.030.000)	(11.202.030.000)
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>112.020.030.000</b>	<b>16.351.574.000</b>	<b>31.731.165.574</b>	<b>3.961.610.970</b>	<b>(22.249.876.403)</b>	<b>141.814.504.141</b>
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(2.644.771.431)	(2.644.771.431)
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>112.020.030.000</b>	<b>16.351.574.000</b>	<b>31.731.165.574</b>	<b>3.961.610.970</b>	<b>(24.894.647.834)</b>	<b>139.169.732.710</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**b) Chi tiết vốn góp của các bên như sau:**

	Vốn góp tại 30/06/2016		Vốn góp tại 01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	64.635.890.000	57,70%	64.635.890.000	57,70%
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	7.226.400.000	6,45%	7.226.400.000	6,45%
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	5.661.010.000	5,05%	5.661.010.000	5,05%
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6.813.460.000	6,08%	6.813.460.000	6,08%
Cộng ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	4.364.680.000	3,90%	4.364.680.000	3,90%
Cổ đông khác	23.318.590.000	20,82%	23.318.590.000	20,82%
<b>Cộng</b>	<b>112.020.030.000</b>	<b>100%</b>	<b>112.020.030.000</b>	<b>100%</b>

**c) Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.202.003	11.202.003
<b>Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng</b>	<b>11.202.003</b>	<b>11.202.003</b>
- Cổ phiếu phổ thông	11.202.003	11.202.003
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>11.202.003</b>	<b>11.202.003</b>
- Cổ phiếu phổ thông	11.202.003	11.202.003
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Vật tư hàng hóa nhận gia công, giữ hộ**

	30/06/2016	01/01/2016
	Kg	Kg
<b>Nguyên liệu thuốc lá</b>	<b>574.682</b>	<b>1.019.010</b>
ELITE WAY (Hong Kong ) LIMITED Company	541.980	78.435
Công ty TNHH Cường Lập	-	659.426
Các đơn vị khác	32.702	281.149
<b>Thành phẩm đã sơ chế, tách cọng</b>	<b>4.338.712</b>	<b>4.636.303</b>
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	2.512.992	2.504.200
Công ty TNHH MTV Viện KTKT Thuốc Lá	802.096	817.696
Công ty TNHH Cường Lập	45.840	587.772
Các đơn vị khác	977.784	726.635

**Ngoại tệ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- USD	4.421	889,49
- EUR	-	0,12



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán nguyên liệu thuốc lá	207.105.903.750	142.131.047.680
Doanh thu bán hàng hóa khác	16.104.590.562	18.968.767.632
Dịch vụ Sơ chế, tách cọng nguyên liệu thuốc lá	30.106.206.090	19.994.585.959
Dịch vụ khác	3.590.148.007	2.818.227.753
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>256.906.848.409</b>	<b>183.912.629.024</b>
<i>Trong đó: doanh thu với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH 1TV thuốc lá Thăng Long	89.413.096.107	28.887.717.200
Công ty TNHH 1TV thuốc lá Sài Gòn	92.862.000.000	49.511.119.000
Công ty TNHH 1TV Viện thuốc lá	531.265.709	237.073.166
Công ty TNHH 1TV thuốc lá Long An	-	10.010.000.000
Công ty TNHH 1TV thuốc lá Bắc Sơn	5.220.000.000	5.535.800.000
Công ty TNHH 1TV thuốc lá Đồng Tháp	2.550.000.000	7.863.527.500
Công ty liên doanh BAT- Vinataba	1.377.600.000	-
Công ty TNHH Vinataba- Philip Morris	7.108.200.000	-
Công ty TNHH 1TV thuốc lá An Giang	5.903.594.500	2.483.250.000
<b>Cộng doanh thu bên liên quan</b>	<b>204.965.756.316</b>	<b>104.528.486.866</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán nguyên liệu thuốc lá	192.525.262.438	125.219.588.006
Giá vốn bán hàng hóa khác	14.738.727.795	17.249.744.435
Giá vốn dịch vụ sơ chế tách cọng thuốc lá	25.821.989.616	16.169.002.864
Giá vốn hàng hóa khác	1.732.231.142	646.336.839
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.151.490.712)
<b>Cộng</b>	<b>234.818.210.991</b>	<b>157.133.181.432</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.478.970	12.479.512
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	307.416.433	147.351.009
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	227.296.599	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	89.353.586	3.360.979.137
<b>Cộng</b>	<b>651.545.588</b>	<b>3.520.809.658</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	4.277.450.414	11.136.726.364
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.364.907	290.946.198
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	98.885.005	498.910.129
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(154.221.810)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.234.478.516</b>	<b>11.926.582.691</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>3.375.112.571</b>	<b>6.689.995.162</b>
Chi phí nhân công	77.110.424	12.314.390
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	103.564.689	147.471.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.192.772.458	6.169.725.207
Chi phí khác bằng tiền	1.665.000	360.484.243
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>17.775.551.006</b>	<b>16.273.372.215</b>
Chi phí nhân công	7.931.477.082	7.106.287.559
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	931.158.841	1.007.316.589
Chi phí khấu hao	2.984.434.902	3.265.961.007
Chi phí thuế, phí và lệ phí	182.213.394	154.799.122
Chi phí dự phòng nợ phải thu	(2.342.445.259)	(497.424.253)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.884.475.783	1.452.373.685
Chi phí tiếp khách hội nghị	1.486.337.086	1.376.329.458
Chi phí khác bằng tiền	2.717.899.177	2.407.729.048
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>21.150.663.577</b>	<b>22.963.367.377</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	17.638.444.350	15.826.501.122
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	66.120.830.256	65.429.600.649
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.486.316.181	7.006.528.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.793.441.153	14.057.482.822
Chi phí khác	5.571.001.786	4.569.727.212
<b>Cộng</b>	<b>115.610.033.726</b>	<b>106.889.840.769</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**27. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>50.305.745.455</b>	<b>12.128.432</b>
Thanh lý vật tư thu hồi sau hỏa hoạn	304.545.455	-
Thu tiền bồi thường hỏa hoạn (1)	50.000.000.000	-
Các khoản khác	1.200.000	12.128.432
<b>Chi phí khác</b>	<b>50.305.557.799</b>	<b>3.591.303</b>
Giá trị tổn thất tương ứng với số tiền bảo hiểm nhận được (1)	50.000.000.000	-
Giá trị tổn thất tương ứng với giá trị vật tư thanh lý thu hồi	304.545.455	-
Các khoản khác	1.012.344	3.591.303

(1) Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh chuyển tiền bồi thường bảo hiểm lần 2 ngày 04/02/2016.

**28. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận để tính lỗ cơ bản (*)	(2.644.771.431)	(3.573.301.437)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.202.003	11.202.003
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(236)	(319)

**29. THÔNG TIN VỀ VỤ HỎA HOẠN NGÀY 19/08/2015**

Ngày 19/08/2015, Công ty xảy ra hỏa hoạn tại kho hàng hóa đã gây thiệt hại các loại nguyên liệu thuốc lá, thuốc lá đã tách cọng và tài sản là kho chứa với giá gốc ước tính được ghi nhận khoảng 309 tỷ đồng, bao gồm giá trị hàng hóa và tài sản của Công ty và khách hàng gửi kho (Theo Biên bản làm việc giữa Công ty với Công ty Thuốc lá Thăng Long ngày 30/10/2015, Công ty đã ghi nhận khoản phải trả Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long tương khoảng 139 tỷ đồng bao gồm giá gốc hàng hóa gửi kho Công ty và chi phí có liên quan do hỏa hoạn ngày 19/08/2015. Các bên thống nhất sẽ xem xét tiếp tục xác định nội dung, phương thức và tiến độ, thời gian đền bù khi có quyết định mức bồi thường của Bảo Minh).

Ngay sau khi xảy ra hỏa hoạn, Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp tích cực với các bên có liên quan để giải quyết có hiệu quả công việc khôi phục sản xuất, ổn định tình hình kinh doanh, làm việc với các chủ nợ như Ngân hàng để gia hạn nợ, giảm lãi, cân đối lại kế hoạch dòng tiền nhằm đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty trong ngắn hạn cũng như dài hạn. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam là Công ty mẹ cùng với các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam đã thực hiện kịp thời các biện pháp hỗ trợ Công ty như trả ngay các khoản nợ, tiếp tục mua hàng và thanh toán nhanh tiền mua hàng...

Toàn bộ giá trị tổn thất do hỏa hoạn nói trên đã được mua bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt tại Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh - Bảo Minh Bắc Ninh (gọi tắt là "Bảo Minh") theo Hợp đồng bảo hiểm số AD0011/15CB24108 ngày 19/04/2015 và các Phụ lục đính kèm.

Theo kết luận điều tra số 1080/PC45 ngày 02/10/2015 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bắc Ninh, nguyên nhân vụ hỏa hoạn "Do chất diệt côn trùng Nhôm photphua (AIP) gặp độ ẩm cao, hoặc bị ngấm nước gây phản ứng hóa học tự nhiên phát cháy, bén cháy vào các kiện mảnh lá thuốc lá dẫn đến vụ cháy nói trên".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Biên bản làm việc ngày 05/11/2015 giữa Công ty và Bảo Minh, căn cứ theo kết luận nguyên nhân hỏa hoạn, Bảo Minh đã xem xét và xác định tổn thất do hỏa hoạn ngày 19/08/2015 của Công ty hoàn toàn nằm trong phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty với Bảo Minh, chưa phát sinh điểm loại trừ.

Căn cứ vào các hồ sơ pháp lý nói trên, ngày 14/10/2015, Công ty đã gửi Bảo Minh Đơn yêu cầu bồi thường giá trị tổn thất tính theo giá hợp lý phù hợp với Hợp đồng bảo hiểm với số tiền khoảng 351 tỷ đồng kèm theo Giấy đề nghị tạm ứng lần 1 là 50% giá trị yêu cầu bồi thường.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, số tiền bồi thường tạm thời được Bảo Minh chuyển trả Công ty theo hai lần là 100 tỷ đồng (bồi thường lần 1 ngày 01/12/2015 số tiền 50 tỷ đồng và đợt 02 ngày 04/02/2016 số tiền 50 tỷ đồng).

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục làm việc với Bảo Minh cũng như các bên liên quan tính toán và xác định số tiền bồi thường chính thức cho Công ty. Các số liệu và thông tin liên quan đến sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 đang trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 sẽ được điều chỉnh khi có số liệu bồi thường chính thức được thống nhất bởi các bên có liên quan.

Căn cứ theo quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý, thận trọng ảnh hưởng của sự kiện hỏa hoạn ngày 19/08/2015 để ghi nhận một khoản chi phí dự phòng khoảng 62,3 tỷ đồng trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Số ước tính nói trên sẽ được điều chỉnh lại khi các bên có liên quan thống nhất chính thức số bồi thường.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, căn cứ vào kế hoạch tài chính, dòng tiền cùng với sự hỗ trợ từ các bên liên quan (Ngân hàng, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty...) cũng như các khoản bồi thường do hỏa hoạn từ Bảo Minh, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng tuyệt đối vào khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

**30. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty thuê 80.000 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh theo Hợp đồng thuê đất số 06/2008/CTHT-HĐKT ngày 01/11/2008, thời hạn thuê 49 năm 3 tháng, kể từ ngày 23/9/2000 với Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng. Trong đó:

- Phí sử dụng cơ sở hạ tầng là 5.354 đồng/m<sup>2</sup>/năm chưa bao gồm thuế GTGT, tổng cộng tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng mà công ty phải thanh toán cho 49,25 năm là 22.989.950.287 đồng;
- Phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 0,30 USD/m<sup>2</sup>/năm chưa bao gồm thuế GTGT, tổng cộng tiền thanh toán phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng hạ tầng mỗi năm là 26.400 USD;
- Tiền thuê đất thực hiện theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 71/GCNUĐĐT-BN ngày 20/01/2005 của UBND tỉnh Bắc Ninh, Công ty được miễn nộp tiền thuê đất 10 năm đầu và giảm 50% cho những năm hoạt động còn lại của Dự án.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ, ngắn hạn và dài hạn, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.324.939.486	5.895.253.370
Các khoản phải thu ngắn hạn	60.413.978.623	124.306.439.979
<b>Cộng tài sản tài chính</b>	<b>74.738.918.109</b>	<b>130.201.693.349</b>
<b>Các khoản nợ tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn dài hạn	155.710.197.614	142.191.207.297
Phải trả người bán ngắn hạn	13.789.214.235	100.506.999.578
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.296.749.410	3.528.872.278
Các khoản phải trả, phải nộp khác	176.602.757.805	211.799.734.770
<b>Cộng các khoản nợ tài chính</b>	<b>351.398.919.064</b>	<b>458.026.813.923</b>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp bảo đảm do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2016 như sau:

	Tài sản tài chính		Các khoản nợ tài chính	
	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	8.530.594.153	12.956.611.250	18.400.656.578	22.663.515.143



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro đầu tư công cụ vốn*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi rõ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	117.558.693.154	24.632.514.143	142.191.207.297
Phải trả người bán ngắn hạn	100.506.999.578	-	100.506.999.578
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.528.872.278	-	3.528.872.278
Các khoản phải trả, phải nộp khác	211.799.734.770	-	211.799.734.770
<b>Cộng</b>	<b><u>433.394.299.780</u></b>	<b><u>24.632.514.143</u></b>	<b><u>458.026.813.923</u></b>
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	143.409.726.036	12.300.471.578	155.710.197.614
Phải trả người bán ngắn hạn	13.789.214.235	-	13.789.214.235
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.296.749.410	-	5.296.749.410
Các khoản phải trả, phải nộp khác	176.602.757.805	-	176.602.757.805
<b>Cộng</b>	<b><u>339.098.447.486</u></b>	<b><u>12.300.471.578</u></b>	<b><u>351.398.919.064</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.895.253.370	-	5.895.253.370
Các khoản phải thu ngắn hạn	124.306.439.979	-	124.306.439.979
<b>Cộng</b>	<b>130.201.693.349</b>	<b>-</b>	<b>130.201.693.349</b>
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.324.939.486	-	14.324.939.486
Các khoản phải thu ngắn hạn	60.413.978.623	-	60.413.978.623
<b>Cộng</b>	<b>74.738.918.109</b>	<b>-</b>	<b>74.738.918.109</b>

**32. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

*Chi tiết số dư phải thu, phải trả các bên liên quan:*

	<u>30/06/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		
- Tổng công ty thuốc lá Việt Nam	25.987.615.255	25.987.615.255
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
- <b>Thiệt hại của vụ cháy</b>		
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	104.366.935.829	139.394.135.829
- <b>Cổ tức phải trả</b>		
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	6.463.589.000	6.463.589.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	25.902.000	25.902.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	681.346.000	681.346.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	160.000.000	160.000.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	328.470.000	328.470.000
- Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	100.000.000	100.000.000
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
- <b>Lãi vay phải trả</b>		
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	2.337.770.706	1.689.194.994
- <b>Lãi Trái phiếu phải trả</b>		
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	25.900.000	25.900.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	220.000.000	220.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
CN Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam - Trung tâm đào tạo Vinataba	11.000.000	87.580.000
CN Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Thuốc lá	17.090.906	67.204.545
CN Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	-	19.074.000
Công ty TNHH MTV thuốc lá Thăng Long	4.973.478.245	6.289.312.000
Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	19.610.000	64.930.000
Công ty TNHH Hải Hà - KOTOBUKI	-	96.525.000

**33. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá lá. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động kinh doanh phân bón, vận chuyển... Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 8% trong tổng doanh thu. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam (doanh thu xuất khẩu chiếm chưa tới 10% tổng doanh thu). Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ Báo cáo tài chính giữa niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2015 chuyển sang được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt và số trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số của kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú (nay là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Giám đốc





Nguyễn Bích Hiền

Phạm Thành Liêm

Nguyễn Anh Tuấn